

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-PT

Ngày: 22/6/2023

“V/v tranh chấp đòi lại

Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân và ông Lê Vũ Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Diệu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa, Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp đòi lại Quyền sử dụng đất”; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DSST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Xuân L, sinh năm 1974 và bà Hồ Thị H sinh năm 1975

Cùng cư trú: Tổ 7, TDP F, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

Bị đơn: Ông Hồ Xuân T (Thiếp), sinh năm: 1943;

Cư trú tại: Tổ D, TDP D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hồ Xuân T1, sinh năm: 1979; trú tại: Tổ D, TDP D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Xuân T2, sinh năm 1983; trú tại: Tổ D, TDP D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bà Hồ Thị P; sinh năm 1943; trú tại: Tổ D, TDP D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Ông Hồ Xuân T1, sinh năm: 1979; trú tại: Tổ D, TDP D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế: Bà Hồ Thị H1 Chủ tịch UBND thị trấn A; Có mặt.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: Ông Hồ Xuân G - chuyên viên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Hồ Xuân T và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan công Hồ Xuân T2: Ông Nguyễn Văn C – TGVPL của Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Hồ Thị T3, sinh năm: 1971; Trú tại: Tổ ,TDP , thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

- Ông Hồ Văn L1, sinh năm: 1956; Trú tại: Thôn P, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

- Ông A Moong Đ, sinh năm: 1943; Trú tại: Tổ D, TDP D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; Vắng mặt.

- Bà Kăn N, sinh năm: 1951; Trú tại: Tổ D, TDP D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người kháng cáo là: Ông Hồ Xuân T (Thiếp); Ông Hồ Xuân T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Hộ ông, bà Hồ Xuân L, Hồ Thị H có thửa đất số 705, tờ bản đồ số 1, có diện tích 4.123,0m²; địa chỉ thửa đất tại: Cụm F, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; nguồn gốc đất khai hoang là của bố mẹ đẻ ông L là ông Hồ Xuân C1, bà Kăn L2 từ năm 1976, nay do ông, bà tuổi già sức yếu nên không có sức khỏe canh tác đã tặng cho, chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà H, nhưng không có văn bản, chỉ nói bằng miệng. Đến Năm 2007, thực hiện chủ trương cấp

đất trên địa bàn, ông L, bà H đã đăng ký, kê khai, làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L và đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 729500 ngày 26-8-2008 (Số vào sổ H00046 QSDĐ: Số 1298/QĐ-UBND/2008), diện tích 4.123,0 m², mục đích sử dụng đất rừng sản xuất. Từ năm 1993 đến năm 2016, bố mẹ của ông L và vợ chồng của ông L có cho vợ chồng bà Hồ Thị T3 và ông Hồ Đức T4, từ xã H lên thị trấn A ở để sinh sống, lúc đó gia đình ông, bà rất khó khăn, vì không có đất sản xuất nên bố mẹ của ông L và vợ chồng ông L đã cho vợ chồng ông T4, bà T3 mượn (đất rừng sản xuất) để trồng lúa, sắn, trầm, keo với diện tích khoảng 1.626,0m² đất, thuộc một phần của thửa đất số 705, tờ bản đồ số: 01 nêu trên, trong quá trình sử dụng canh tác nhiều năm không có ai tranh chấp. Đến năm 2016 thì ông Hồ Xuân T ngang nhiên đến lấn chiếm đất này từ bà Hồ Thị T3 và ông tiếp tục trồng lại cây keo, trầm trên mảnh đất của gia đình ông L. Khi đó vợ chồng ông L, bà H đến gặp ông T yêu cầu ông trả lại đất đã bị lấn chiếm nêu trên, nhưng ông không đồng ý trả lại và ông cho rằng đất đó là nguồn gốc của ông tự khai hoang.

Năm 2016, vợ chồng ông L, bà H cho rằng ông Hồ Xuân T đã lấn chiếm đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hai vợ chồng nên viết tờ trình yêu cầu UBND thị trấn A giải quyết về việc tranh chấp đất đai giữa gia đình ông L với ông Hồ Xuân T.

Ngày 06 tháng 9 năm 2016, Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A đã tiến hành xác minh kiểm tra ranh giới thửa đất số 705, tờ bản đồ 01, chủ sử dụng vợ chồng ông Hồ Xuân L, bà Hồ Thị H và thửa đất số 695 chủ sử dụng ông Hồ Xuân T, bà Hồ Thị P; đã xác định hai thửa đất này liền thửa với nhau và các bên ký ranh giới nhau.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A đã tiến hành xác minh về địa chỉ các thửa đất rừng sản xuất của chủ sử dụng ông Hồ Xuân L và bà Hồ Thị H, tọa lạc tại: Cụm F (cũ), thị trấn A, đổi thành tổ D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, hộ ông, bà Hồ Xuân L, Hồ Thị H đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A xin đính chính thay đổi địa chỉ thửa đất từ cụm F, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế thành tổ dân phố D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, đất nêu trên, nhưng không thay đổi vị trí, hiện trạng và diện tích đất.

Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A đã tiến hành hòa giải về việc tranh chấp đất đai giữa vợ chồng ông Hồ Xuân L, bà Hồ Thị H với ông Hồ Xuân T 02 lần, nhưng không thành.

Do đó, vợ chồng ông Hồ Xuân L, bà Hồ Thị H khởi kiện yêu cầu ông Hồ X trả lại 1.626,0m² đất thuộc một phần thửa đất số 705, tờ bản đồ số 01, đất rừng sản xuất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Xuân L, bà Hồ Thị H; địa chỉ thửa đất tại: Cụm F (cũ), thị trấn A, đổi thành tổ dân phố D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế và bố con ông Hồ Xuân T, ông Hồ Xuân T2 phải khai thác, di dời toàn bộ tài sản trên đất có 26 cột bê tông rào xung quanh đất đang tranh chấp, có 300 cây, có 100 cây keo, có 300 cây chè xanh, cây tre 1 bụi có 100 cây.

- *Bị đơn ông Hồ Xuân T tại bản lời khai đã trình bày:* Năm 1976, ông được cấp trên điều động về ban chỉ huy quân sự huyện A, trong thời công tác vào tháng 2 năm 1980, tranh thủ thời gian vào các ngày nghỉ đã trực tiếp đi khai hoang, phát rẫy khi chưa có ai làm, có sự chứng kiến của bà Kăn N và ông Hồ Đức V. Năm 1987, có ông Hồ Văn L1, nguyên cán bộ xã H có tham gia cùng tôi khai hoang. Năm 1990, ông đưa bà Kăn K và ông C2 từ xã H đến sống chung với gia đình của ông tại xã A, huyện A, nay là tổ D, tổ dân phố số D, thị trấn A, huyện A. Sau đó, ông thấy bà K và ông C2 không có nương rẫy để sản xuất nên ông cho họ mượn làm nhò trên mảnh đất đang tranh chấp hiện nay. Đến năm 1993, em của ông Hồ Đức C3 là ông Hồ Đức T4 lấy vợ là bà Hồ Thị T3 chuyển đến sinh sống cùng gia đình ông. Sau đó, bà Hồ Thị T3 và ông T4 tự ý lấy mảnh đất này từ bà Kăn K và ông C3 đã mượn làm nương rẫy trước đó. Năm 1998, ông C3, ông T5 (em trai của ông C3) và bà Kăn K là mẹ đẻ của ông C3 chuyển về sinh sống tại tổ dân phố F, thị trấn A và bàn giao lại toàn bộ mảnh đất đã mượn của gia đình ông. Từ năm 1993 đến năm 2016 vợ chồng ông T4, bà T3 vẫn tiếp tục canh tác làm nương rẫy đất này nhưng không chịu bàn giao trả lại đất này cho gia đình ông. Đến năm 2016 gia đình ông lấy lại mảnh đất đó từ bà T3 là mảnh đất mà trước đó ông C3 và bà K bàn giao lại cho gia đình ông tiếp tục làm rẫy, sản xuất công tác trên mảnh đất đó từ đó đến nay. Đến nay, gia đình ông cũng không xác định được là mảnh đất khai hoang này đang tranh chấp có nằm trong thửa đất số 705, tờ bản số 1, của nguyên đơn ông L, bà H. Hiện nay gia đình ông L, bà H với ông đang tranh chấp đất rừng sản xuất này có diện tích 1.626,0m² thuộc một phần của nằm trong thửa đất số 705, tờ bản số 1, của nguyên đơn ông anh L, bà H. Nay ông L, bà H khởi kiện yêu cầu ông trả lại đất 1.626,0m² này cho vợ ông L, bà H thì ông không đồng ý trả lại, vì ông cho rằng đất này là nguồn của ông tự khai hoang. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của nguyên đơn.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị P trình bày:* Theo lời khai của bà thì nhất trí như ý kiến của ông T là hoàn toàn đúng nên bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của gia đình ông, bà.

- Người đại diện được ủy quyền của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho ông Hồ Xuân T1 trình bày:

Ông T1 hoàn toàn nhất trí như lời khai bố mẹ của ông là ông Hồ Xuân T, bà Hồ Thị P. Xác định nguồn gốc đất đang tranh chấp hiện nay giữa bố mẹ của ông và ông Hồ Xuân L, bà Hồ Thị H, là của bố mẹ của ông tự khai hoang từ năm 1976, là đất này có nguồn gốc rõ ràng nhiều người biết như bà Kẩn N, A Moong Đ và ông Hồ Văn L1 nên ông L, bà H không có quyền yêu cầu bố mẹ của ông trả lại đất đang tranh chấp có diện tích là 1.626,0m² thuộc một phần của thửa đất số 705, tờ bản đồ số: 01, được cấp GCNQSD đất hộ ông L, bà H, địa chỉ thửa đất: Cụm F, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 29/ 10/ 2018 Chi nhánh V1 đăng ký đất đai chính thay đổi địa chỉ thửa đất từ cụm F, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế thành tổ dân phố D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, là không đúng. Vì vậy, bố mẹ của ông không đồng ý trả lại đất đang tranh chấp này cho ông L, bà H và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho công bằng để bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của ông, bà.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Xuân T2 trình bày: Ông là người trực tiếp trồng cây cối trên thửa đất đang tranh chấp hiện nay và tài sản gồm có: 26 cột bê tông rào xung quanh đất đang tranh chấp, có 300 cây chuối trồng năm 2021, đang phát triển; có 100 cây keo trồng năm 2018, 4 năm tuổi; có 300 cây chè xanh trồng năm 2021, đang phát triển, Cây tre 1 bụi có 100 cây.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C trình bày:

Tại thửa đất số 705, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.123,0m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông, bà Hồ Xuân L, Hồ Thị H, địa chỉ thửa đất: Cụm F, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong đó, có một phần đất của ông Hồ Xuân T có diện tích là 1.626,0m² thuộc một phần của thửa đất số 705, tờ bản đồ 1, thì về nguồn gốc là ông tự khai hoang từ năm 1976, nhưng trong quá trình đo đạc, thủ tục có sai sót liên quan đất của ông Hồ Xuân T thuộc một phần của thửa đất số 705, tờ bản đồ 1, của ông L, bà H nên ông T không đồng ý trả lại đất đang tranh chấp trên cho ông L, bà H. Việc ông Hồ Xuân L, bà Hồ Thị H đến Chi nhánh V1 đăng ký đất đai xin chính thay đổi địa chỉ của thửa đất số 705, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.123,0m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông, bà Hồ Xuân L, Hồ Thị H, địa chỉ thửa đất: Cụm F, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế thành tổ dân phố D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, là không đúng thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với ông Hồ Xuân T2 là người trực tiếp trồng cây cối trên đất đang tranh chấp trên, hiện nay gồm có 26 cột bê tông rào xung quanh đất đang tranh chấp, có 300 cây chuối trồng năm 2021, đang phát triển; Có 100 cây keo trồng năm 2018, 4 năm tuổi; Có 300 cây chè xanh trồng năm 2021, đang phát triển; Cây tre 1 bụi có 100 cây. Đề Hội đồng xét xử xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan UBND huyện A đã ủy quyền cho bà Hồ Thị H1-Chủ tịch UBND thị trấn huyện A, đã ủy quyền lại cho ông Nguyễn Xuân T6- Phó Chủ tịch thị trấn huyện A trình bày:*

Năm 2007, thực hiện theo chủ trương giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân đất rừng sản xuất trên địa bàn. Ủy ban nhân dân thị trấn A thành lập Ban chỉ đạo giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, phối hợp với Xí nghiệp Trắc địa 102 đo vẽ, lập Biên bản xác nhận đo vẽ theo đúng ranh giới hành chính và trạng thái rừng, thẩm tra hồ sơ, xét duyệt và lập danh sách, niêm yết công khai, các hộ gia đình liên kết ký với nhau, không có ai khiếu nại hoặc tranh chấp nên đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A thẩm tra trình Ủy ban nhân dân huyện A xem xét ban hành Quyết định số: 1298/QĐ-UBND ngày 26/08/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ, trong đó có thửa đất số 705, tờ bản đồ số 1, có diện tích 4.123,0m², địa chỉ thửa đất: Cụm F (cũ) thị trấn A, nay đổi thành tổ dân phố D, thị trấn A, huyện A cho hộ ông, bà Hồ Xuân L, Hồ Thị H và khẳng định có tập Hồ sơ pháp lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, là có cơ sở pháp lý.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan UBND huyện A đã ủy quyền cho ông Hồ D, trưởng phòng TN&MT huyện A L3 trình bày:*

Tại Văn bản số: 692/UBND-TNMT ngày 10-11-2022 của Ủy ban nhân dân huyện A trả lời cho Tòa án nhân dân huyện A Lưới về việc trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình. Sau khi phòng Tài nguyên và môi trường thẩm tra toàn bộ hồ sơ pháp lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, trong đó có hộ ông Hồ Xuân L, bà Hồ Thị H

Ngày 04 tháng 07 năm 2007, trong biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất của ông, bà Hồ Xuân L, Hồ Thị H có các hộ giáp ranh ký tên gồm Hồ Đức V, A Moong Đ, Hồ Xuân T và được UBND thị trấn A xác nhận trong biên bản trên; Ngày 07 tháng 7 năm 2007, trong đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, bà Hồ Xuân L, Hồ Thị H được UBND thị trấn A xác nhận 31/8/2007 với nội dung sau: Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất được Nhà nước giao, tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất: Ổn định, không tranh chấp;

phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: Đúng quy hoạch; Ngày 06 tháng 11 năm 2007, phòng Tài nguyên và môi trường thẩm tra và có ý kiến: Đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất và ngày 26/8/2008 được UBND huyện cấp GCNQSD đất với số phát hành AN 72500, số vào sổ cấp GCNQSD đất: H00561 QSDĐ: số 1298/QĐND/2008. Như vậy, quy trình cấp GCNQSD đất cho hộ ông, bà: Hồ Xuân L, Hồ Thị H đảm bảo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chi nhánh V1 đăng ký đất đai:* Ông Hồ Xuân G- *trình bày:* Việc Chi nhánh văn Phòng đất đai huyện A, có liên quan đến việc đính chính thay đổi địa chỉ thửa đất số 705, tờ bản đồ số: 01, được cấp GCNQSD đất cho hộ ông L, bà H, địa chỉ thửa: Cụm F, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, do có sai sót địa chỉ thửa đất nên hộ ông L, bà H đến chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai yêu cầu đính chính thay đổi địa chỉ đất từ cụm F, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế thành tổ dân phố D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, là phù hợp thực tế địa chỉ thửa đất nên việc thay đổi địa chỉ thửa đất trên là đúng quy định của pháp luật.

- *Bà Hồ Thị T3 là người làm chứng bên nguyên đơn trình bày:* Đất đang tranh chấp có diện tích là 1.626,0m² thuộc một phần của thửa đất số 705, tờ bản đồ số: 01, được cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông L, bà H thì về nguồn gốc khai hoang đất này của ông Hồ Xuân C1, bà Kăn L2 có cho bà mượn làm rẫy từ năm 1993 đến năm 2016 thì ông T đã lấn chiếm toàn bộ diện tích đất này nên bà báo lại cho vợ chồng ông L, bà H biết để giải quyết với nhau. Ngoài ra không có ý kiến gì.

- *Ông Hồ Văn L1 là người làm chứng bên bị đơn khai:* Về nguồn gốc đất đang tranh chấp nêu trên thì từ năm 1987, 1988 ông và gia đình ông T có trực tiếp khai hoang đất đó để trồng sắn và còn sau này mảnh đất đó thì ông không biết ai tiếp tục làm hoặc đã cấp giấy CNQSD đất cho ai thì ông không hề biết.

- *Bà Kăn N là người làm chứng bên bị đơn khai:* Vợ chồng ông, bà có thấy ông Hồ Xuân T tự khai hoang đất rừng sản xuất từ năm 1980, mà hiện nay đang tranh chấp nêu trên, còn sau này ai làm hoặc đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai thì ông, bà không biết. Ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

- *Ông A Moong Đ là người làm chứng bên bị đơn khai:* Năm 1976 ông có thấy ông Hồ Xuân T có khai hoang làm rẫy đất đang tranh chấp hiện nay, còn sau này đất đó thì ông không biết ai tiếp tục làm rẫy và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai thì ông không biết. Ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06-07-2022 thì thửa đất số 705 tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại: Cụm F (cũ) thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, thành Tổ dân phố D, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế

do ông Hồ Xuân T đã lấn chiếm có diện tích 1.626,0m² và con ông T là ông Hồ Xuân T2 trồng cây cối trên đất, hiện nay gồm có 26 cột bê tông rào xung quanh đất đang tranh chấp, có 300 cây chuối trồng năm 2021, đang phát triển; Có 100 cây keo trồng năm 2018, 4 năm tuổi; Có 300 cây chè xanh trồng năm 2021, đang phát triển; Cây tre 1 bụi có 100 cây và Kết quả đo đạc, bản trích đo địa chính khu đất đang tranh chấp đã xác định ông Hồ Xuân T đã lấn chiếm có diện tích là 1.616,0m² thuộc một phần của thửa đất số 705, tờ bản đồ số: 01, được cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông L, bà H.

Ngày 25-11-2022 Tòa án nhân dân huyện A Lưới đã ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản và Kết quả Hội đồng định giá tài sản giá trị quyền sử dụng đất có tranh chấp diện tích là 1.626,0m² x 3.800đ/m² = 6.178.800 đồng và giá trị tài sản trên đất gồm có: Giá trị 26 cột bê tông, có tổng cộng thể tích 0.7m³ x 2.828.000đồng/m³ = 1.979.600 đồng; Giá trị: 300 cây chuối x 26.730 đồng/cây = 8.019.000đồng; Giá trị: 100 cây keo x 51.450 đồng/cây = 5.145.000đồng; Giá trị: 300 cây chè xanh x 53.260đồng/cây = 15.978.000đồng; Giá trị: 100 cây tre x 8.200đồng/cây = 820.000đồng.

Tại Bản án số 15/2022/DSST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 168 và 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 37 và khoản 3 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 123 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn là ông Hồ Xuân T (Thiếp) và bà Hồ Thị P phải trả lại diện tích đất 1.626,0 m², có giá trị 6.178.800 đồng, thuộc một phần của thửa số 705 tờ bản đồ số 1, tại tổ dân phố D, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế cho hộ ông Hồ Xuân L, Hồ Thị H (thuộc phần A của Bản trích lục địa chính khu đất kèm theo).

- Buộc ông Hồ Xuân T2 phải thực hiện việc khai thác, di dời toàn bộ cây cối và tài sản trên đất đang tranh chấp gồm có 26 cột bê tông rào xung quanh

phần đất tranh chấp, có 300 cây chuối; Có 100 cây keo; Có 300 cây chè xanh; Cây tre 1 bụi có 100 cây và trả lại hiện trạng đất cho ông L, bà H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

Do không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 04/01/2023, bị đơn - Ông Hồ Xuân T (Thiếp) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Xuân T2 có đơn kháng cáo với nội dung: Ông Hồ Xuân T (Thiếp) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Xuân T2 kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DSST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A Lưới. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A Lưới.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

- Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Xuân T (Thiếp) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Xuân T2; Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A Lưới, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện A Lưới giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự; kết quả tranh tụng; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút kháng cáo, các bên đương sự

không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định, đảm bảo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278, 279 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, cần được giải quyết theo pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thấy rằng:

Về tố tụng:

1. Về việc Tòa án nhân dân huyện A Lưới giải quyết vụ án vượt quá phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện của ông Hồ Xuân L đề ngày 09 tháng 10 năm 2021, ông L yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Xuân T phải trả lại diện tích 1556,2m² mà ông T đã lấn chiếm của ông L. Quá trình giải quyết vụ án, ông L không có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2021 nhưng Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xử buộc ông Hồ Xuân T (T7) và bà Hồ Thị P phải trả lại diện tích 1626 m² cho ông Hồ Xuân L và bà Hồ Thị H là vi phạm vào khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc bỏ sót người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông T đã cho hai vợ chồng người con trai là anh Hồ Xuân T2 và chị Hồ Thị H sinh năm 1993 sử dụng và sản xuất canh tác trên phần đất đang tranh chấp nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa chị Hồ Thị H sinh năm 1993 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Bởi lẽ, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh Hồ Xuân T2 và chị Hồ Thị H sinh năm 1993 kết hôn vào ngày 26 tháng 9 năm 2016. Từ năm 2018 đến năm 2021 ông T giao cho vợ chồng anh Hồ Xuân T2 và chị Hồ Thị H sinh năm 1993 trồng các loại cây như 300 cây chè, 300 cây chuối, 100 cây keo, 100 cây tre và chôn 26 cột bê tông và hàng rào trên đất đang tranh chấp. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tài sản trên đất là của những người nào nên đã bỏ sót người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hồ Thị H sinh năm 1993. Do đó, vào ngày 04/01/2023 chị Hồ Thị H sinh năm 1993 đã có đơn khiếu nại việc Tòa án nhân dân huyện A Lưới đã bỏ sót người tham gia tố tụng trong vụ án nói trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Hồ Thị H sinh năm 1993 và khó khăn cho việc thi hành án dân sự sau này.

Xét việc tiến hành định giá tài sản đang tranh chấp: Tại biên bản định giá tài sản ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A Lưới (Bút lục

257 đến 259) có ghi họ tên ông Lê Thanh C4; Chức vụ: Phó Trưởng phòng tài chính kế hoạch huyện A làm Chủ tịch Hội đồng định giá. Tuy nhiên Biên bản này do đương sự xuất trình nộp cho Tòa án nhân dân huyện A Lưới không có chữ ký của ông C4, đương sự khiếu nại rằng ông C4 không có mặt trong quá trình định giá. Như vậy việc tiến hành định giá tài sản đã vi phạm thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 4 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về vị trí phần đất đang tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần đất đang tranh chấp ở đâu nên đã vi phạm về việc xác định đối tượng bị tranh chấp mà Tòa án cần giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Xuân T (Thiếp) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Xuân T2 để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T và ông T2 được chấp nhận nên ông T và ông T2 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn - Ông Hồ Xuân T (Thiếp) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Xuân T2;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Xuân T (Thiếp) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Xuân T2 không phải chịu. Trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho ông T và anh T2 theo các biên lai số 0002892, 0002893 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND huyện A Lưới;
- Chi cục THADS huyện A Lưới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Bính